

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình.
Bà Lê Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 346/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1982;

- Bị đơn: Ông Ngô Đình M, sinh năm 1979;

Cùng nơi cư trú: Gắn nhà số 28, đường số 4, thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2003, bà T và ông Ngô Đình M có quen biết, tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại

UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; theo giấy chứng nhận kết hôn số 134, ngày đăng ký 21/10/2003. Trong quá trình vợ chồng sống chung với nhau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xảy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Từ đó, bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với ông M.

Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) người con chung tên Ngô Thị Cẩm L1, sinh năm 2004; Ngô Đình Quang L, sinh ngày 26/4/2006; Ngô Thị Bảo Th, sinh ngày 06/7/2008 và Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/8/2010. Khi ly hôn thì bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục các con chung có tên L, Th và Q, còn con L1 đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu và tranh chấp gì; bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai vào ngày 23/8/2023, bị đơn ông Ngô Đình M trình bày:

Vào năm 2003, ông Ngô Đình M và bà Trần Thị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sinh sống tại Gia Huynh cho đến năm 2014 thì gia đình chuyển về Đ sinh sống. Trong quá trình vợ chồng sống chung với nhau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn chủ yếu là trong việc nuôi dạy con và do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau, mặc dù hai người đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay, bà T yêu cầu ly hôn thì ông M đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) người con chung tên Ngô Thị Cẩm L1, sinh năm 2004; Ngô Đình Quang L, sinh ngày 26/4/2006; Ngô Thị Bảo Th, sinh ngày 06/7/2008 và Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/8/2010. Hiện nay các con đã lớn nên ông theo ý kiến của các con; nếu các con theo mẹ thì ông đồng ý, còn các con chọn theo ông thì ông nuôi dưỡng, và ông không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông M đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vì bận công việc nên ông không thể đến Tòa án tham gia tố tụng, ông đã thông qua đơn khởi kiện và chữ ký tại đơn khởi kiện của bà T đã nộp cho Tòa án là chữ ký của ông M.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về hòa giải đoàn tụ nhưng do bị đơn vắng mặt nên không thành.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện các hoạt động tố tụng để giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
Giải quyết cho bà Trần Thị T ly hôn ông Ngô Đình M.

Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) người con chung tên Ngô Thị Cẩm L1, sinh năm 2004; Ngô Đình Quang L, sinh ngày 26/4/2006; Ngô Thị Bảo Th, sinh ngày 06/7/2008 và Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/8/2010. Khi ly hôn thì bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục các con chung có tên L, Th và Q, còn con L1 đã trưởng thành; nay các con tên L, Th và Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nghĩ nên cần giao cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung có tên trên là phù hợp theo quy định của pháp luật; nay bà T không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung nên không phải xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.3] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt tại phiên tòa đối với nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Ngô Đình M có quen biết, tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; theo giấy chứng nhận kết hôn số 134, ngày đăng ký 21/10/2003. Trong quá trình vợ chồng sống chung với nhau thường xảy ra nhiều mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống của mỗi người không hợp nhau nên thường xảy ra va chạm, cuộc sống của vợ chồng không được hạnh phúc. Từ đó, bà T xác định vợ chồng không còn tình cảm, yêu thương, quý trọng nhau nên bà T làm đơn đến Tòa án giải quyết được ly hôn với ông M.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên nghĩ cần xử cho bà Trần Thị T ly hôn ông Ngô Đình M là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 04 (bốn) người con chung tên Ngô Thị Cẩm L1, sinh năm 2004; Ngô Đình Quang L, sinh ngày 26/4/2006; Ngô Thị Bảo Th, sinh ngày 06/7/2008 và Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/8/2010. Khi ly hôn thì bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm nom, giáo dục các con chung có tên L, Th và Q, còn con L1 đã trưởng thành; nay các con tên L, Th và Q đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nghĩ nên cần giao cho bà T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung có tên trên là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Ngô Đình M phải cấp dưỡng tiền nuôi các con chung nên không phải xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo luật định.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị T ly hôn ông Ngô Đình M.

2. Về con chung: Bà Trần Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 (ba) người con chung là Ngô Đình Quang L, sinh ngày 26/4/2006; Ngô Thị Bảo Th, sinh ngày 06/7/2008 và Ngô Thị Như Q, sinh ngày 28/8/2010.

Ông Ngô Đình M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp ông M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông M.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017445 ngày 21 tháng 7 năm 2023. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã Đức Hạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quý

